

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KẾ SÁCH  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 28 tháng 4 năm 2022  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lâm Sơn

Ông Cao Văn Quyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thụ lý số 71/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Trương Hồng K; địa chỉ: XX, ấp H, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

*Bị đơn:* Nguyễn Thị T; địa chỉ: XX, ấp H, xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trương Hồng K trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 21 tháng 4 năm 2008. Vợ chồng có 01 người con chung là Trương Vũ A sinh ngày 17/10/2007. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay anh K yêu cầu ly hôn chị T; về con chung anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi và không

yêu cầu cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị T, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và áp dụng các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung chưa thành niên cho anh K trực tiếp nuôi, ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng của anh K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

[1] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, nên anh K yêu cầu ly hôn chị T. Riêng về phía chị T, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải chị đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng chị T tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay anh K kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị T thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh K.

[3] Về con chung: Anh K và chị T có 01 người con chung chưa thành niên, anh K có yêu cầu được trực tiếp nuôi. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp hỏi nguyện vọng của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi là cháu Trương Vũ A thì cháu cho biết nguyện vọng muốn được ở với cha nếu cha mẹ phải ly hôn, do đó để đáp ứng được nguyện vọng của cháu A, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu A cho anh K để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Chị T không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Về vấn đề cấp dưỡng, trên cơ sở tự nguyện

của anh K không yêu cầu cấp dưỡng, Hội đồng xét xử ghi nhận và không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét..

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Hồng K được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* Giao cháu Trương Vũ A sinh ngày 17/10/2007 cho anh Trương Hồng K để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh K tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị T, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

**2.** Về án phí: Anh Trương Hồng K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001664, ngày 15/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

**3.** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện K-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã P, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Diệu**